|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC XI** | **PHỤ LỤC XI** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC***(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Tên nghề: Điều khiển phương tiện thủy nội địa** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng mô đun:** 02 |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp**: Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc | **Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp**: Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Hiểu cấu trúc và tính năng của phương tiện cao tốc, hiểu phương pháp điều động phương tiện cao tốc.  | Trình bày cấu trúc và tính năng của phương tiện cao tốc, hiểu phương pháp điều động phương tiện cao tốc.  |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Điều khiển được phương tiện cao tốc.  | Điều khiển được phương tiện cao tốc đúng phương pháp đảm bảo an toàn |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
| Thời gian của khóa học: 65 giờ, bao gồm:  | 1. Số lượng mô đun đào tạo: 02 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| 1. Thời gian thực học: 62 giờ. | 2. Thời gian của khóa học: 62 giờ, bao gồm: |  |
| 2. Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 03 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 59 giờ |  |
|  | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 03 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã MĐ** | **Tên mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| MĐ 01 | Cấu trúc và thiết bị phương tiện cao tốc | 30 |
| MĐ 02 | Điều động phương tiện cao tốc | 32 |
| **Tổng cộng** | **62** |

 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã MĐ** | **Tên mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| MĐ 01 | Cấu trúc và thiết bị phương tiện cao tốc | 30 |
| MĐ 02 | Điều động phương tiện cao tốc | 32 |
| **Tổng cộng** | **62** |

 |  |
| IV. KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | - Lý thuyết: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến.- Thực hành: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng thực hành trong chương trình.- Đối với hình thức đào tạo trực tuyến, cơ sở đào tạo phải có đủ cơ sở vật chất đáp ứng và lựa chọn các nội dung phù hợp trong các môn học, mô đun. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện, bổ sung quy định về đào tạo trực tuyến nội dung lý thuyết |
| 1. Kiểm tra kết thúc mô đun: | 2. Kiểm tra kết thúc mô đun: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.- Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học. | Không quy định thời lượng tham gia môn học do đã có quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 40/2019/TT-BGTVT |
| 2. Kiểm tra kết thúc khóa học:  | 2. Kiểm tra kết thúc khóa học:  |  |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** |
| 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm |
| 2 | Điều động | Thực hành  |

V. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp chứng chỉ Điều khiển phương tiện cao tốc, gồm các nội dung sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** |
| 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm |
| 2 | Điều động phương tiện cao tốc | Thực hành  |

 | Bổ sung điều kiện để được kiểm tra kết thúc khóa học |
| 1. Tên mô đun: **CẤU TRÚC VÀ THIẾT BỊ PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC** |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| a) Mã số: MĐ 01. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu cấu trúc và tính năng của phương tiện cao tốc.  |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| 1 | Bài 1: Khái niệm phương tiện cao tốc | 1 |
| 1.1 | Khái niệm |
| 1.2 | Phân loại |
| 2 | Bài 2: Cấu trúc của phương tiện cao tốc | 10 |
| 2.1 | Kết cấu khung, vỏ phương tiện |
| 2.2 | Những đặc tính của phương tiện cao tốc |
| 2.3 | Hệ thống cánh ngầm |
| 3 | Bài 3: Hệ thống lái | 10 |
| 3.1 | Máy lái điện |
| 3.2 | Máy lái thủy lực |
| 3.3 | Máy lái điện thủy lực |
| 4 | Bài 4: Thiết bị hàng hải | 8 |
| 4.1 | Ra đa |
| 4.2 | Hệ thống định vị toàn cầu GPS |
| 4.3 | Máy đo sâu hồi âm |
| Kiểm tra kết thúc mô đun | 1 |
| **Tổng cộng** | **30** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, lý thuyết phương tiện và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình vật thật ngay tại phòng học mô phỏng và trên các phương tiện huấn luyện. |  |  |
| 2. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 02. |  |  |
| b) Thời gian: 32 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu phương pháp điều động phương tiện cao tốc.  |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| 1 | Bài 1: An toàn cơ bản | 5 |
| 2 | Bài 2: Điều động phương tiện cao tốc rời, cập cầu | 5 |
| 3 | Bài 3: Điều động phương tiện cao tốc hành trình | 15 |
| 4 | Bài 4: Sử dụng các thiết bị ra đa, GPS, máy đo sâu vào điều động phương tiện cao tốc | 5 |
| Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun | 2 |
| **Tổng cộng** | **32** |

đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình điều động phương tiện thủy và các tài liệu tham khảo về điều động phương tiện đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên phương tiện huấn luyện. |  |  |
|   |  |  |